

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Út.

Ông Nguyễn Duy Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thanh T, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, bà Lê Thanh T trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Lê Thanh T và ông Nguyễn Ngọc K có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2019, có tổ chức lễ thành hôn theo phong tục địa phương, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian ly thân không hàn gắn

được hôn nhân. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc nên bà Lê Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc K.

Về nuôi con: Có hai người con chung.

Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05/3/2021.

Nguyễn Nhị H1, sinh ngày 01/7/2022.

Hiện nay hai người con đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn, ông Nguyễn Ngọc K trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc K và bà Lê Thanh T có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2019, có tổ chức lễ thành hôn, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng ly thân vào năm 2023, do bất đồng quan điểm về cuộc sống. Ông K đồng ý ly hôn với bà Lê Thanh T.

Về con chung: Có hai người con chung:

Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05/3/2001.

Nguyễn Nhị H1, sinh ngày 01/7/2022.

Hiện nay hai người con đang sống với bà T. Khi ly hôn, ông K đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

Bà Lê Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc K, yêu cầu nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp “Xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông K cư trú tại khóm H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà **Lê Thanh T** và ông **Nguyễn Ngọc K** có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì bận công việc, điều kiện đi lại khó khăn nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, yêu cầu này của các đương sự là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án.

- Về hôn nhân: Bà **Lê Thanh T** và ông **Nguyễn Ngọc K** có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2019, có tổ chức lễ thành hôn theo phong tục địa phương và có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Giấy chứng nhận kết hôn số: 133/2019 ngày 06/12/2019, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà **Lê Thanh T** và ông **Nguyễn Ngọc K** được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà **Lê Thanh T** và ông **Nguyễn Ngọc K** cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà **Lê Thanh T** yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Ngọc K**, ông **K** đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của bà **T** và ông **K** không đạt được, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Lê Thanh T** đối với ông **Nguyễn Ngọc K** theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05/3/2021 (nữ).

Nguyễn Nhị H1, sinh ngày 01/7/2022 (nữ).

Hiện nay hai người con đang sống với bà **T**. Khi ly hôn, bà **T** và ông **K** thống nhất giao hết hai người con cho bà **T** nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu **Nguyễn Ngọc H** và cháu **Nguyễn Nhị H1** cho bà **Lê Thanh T** trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ông **Nguyễn Ngọc K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của

đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà **Lê Thanh T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà **T** được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 và 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà **Lê Thanh T** ly hôn đối với ông **Nguyễn Ngọc K**.

Về nuôi con: Giao hai cháu **Nguyễn Ngọc H**, sinh ngày 05/3/2021 (nữ) và **Nguyễn Nhị H1**, sinh ngày 01/7/2022 (nữ) cho bà **Lê Thanh T** trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông **Nguyễn Ngọc K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà **Lê Thanh T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà **T** được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014138 ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà **T** đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND thị trấn Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Diệu Hiền